

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình năm 2026-2028
- Địa điểm: Số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nẹp khóa chữ I các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 23.2/28.5/33.8/39.1/44.4/49.7/55mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò). + Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vò đường kính 2.0mm.	Cái	12
2	Nẹp khóa chữ L (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8 lỗ. Chiều dài: 22.5/27.8/33.1/38.4mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ L có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò), + Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vò đường kính 2.0mm.	Cái	12
3	Nẹp khóa chữ T các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9 lỗ. Chiều dài: 23.4/28.7/34/39.3/44.6mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò).	Cái	10

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vỏ đường kính 2.0mm.		
4	Nẹp khoá đa hướng cánh tay các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ. Chiều dài: 67/80/93/106/119/132/145/158/171mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm.</p>	Cái	10
5	Nẹp khoá đa hướng mỏm khuỷu (trái, phải) các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8lỗ. Chiều dài: 70/83/96/109/122/135mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu nẹp có 2 lỗ vít khoá, thân nẹp có lỗ ở đầu nẹp và cuối nẹp là lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), các lỗ vít còn lại là lỗ vít hình tròn (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít vỏ).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm.</p>	Cái	12
6	Nẹp khoá đa hướng cẳng tay các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 63/76/89/102/115/128/141mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm.</p>	Cái	20

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
7	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân II (trái, phải) các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/12/13lỗ. Chiều dài: 124/137/150/163/176/189/202/215/228mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), 2 lỗ vít khoá hình số tám((lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm.</p>	Cái	12
8	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương mác các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8lỗ. Chiều dài: 74/86/98/110/122/134mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc giúp cố định chỗ gãy thuận lợi hơn và có 3 lỗ vít khoá đa hướng(lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm.</p>	Cái	20
9	Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13lỗ. Chiều dài: 99/139/159/179/199/219/239/259/299mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm.</p>	Cái	20
10	Nẹp khóa đa	- Chất liệu: pure titanium.	Cái	10

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	hướng đầu xa xương đòn (trái, phải) các cỡ	<p>- Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 72/84/96/108/120/132/144mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp hình chữ S, đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vò đường kính 2.7/4.0mm.</p>		
11	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 61/71/81/91/101/111/121/131mm.</p> <p>- Đặc tính: Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để nén ép.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm.</p>	Cái	10
12	Nẹp khóa đa hướng ổ lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ. Chiều dài: 139/159/179/199/219/239/259/279/299/319mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu nẹp có 7 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm.</p>	Cái	4
13	Nẹp khóa đa hướng T nhỏ các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 3/4/5/6 lỗ. Chiều dài: 45/56/67/78mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo</p>	Cái	30

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm.</p>		
14	Nẹp khóa đa hướng xương đòn S (trái, phải) các cỡ	<p>- Chất liệu: pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 69/81/93/105/117mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò).</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm.</p>	Cái	48
15	Vít khóa 2.0 các cỡ	<p>- Chất liệu: titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread).</p>	Cái	160
16	Vít khóa 2.7 các cỡ	<p>- Chất liệu: titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm và 35/40/45/50/55/60 mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread).</p>	Cái	350
17	Vít khóa 4.0 các cỡ	<p>- Chất liệu: titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng</p>	Cái	550

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread).		
18	Vít khóa 5.0 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm và 65/70/75/80/85/90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). 	Cái	100
19	Vít vỏ (titanium) 2.0 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread). 	Cái	20
20	Vít vỏ 2.7 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread). 	Cái	50
21	Vít vỏ 4.0 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread). 	Cái	30
22	Vít vỏ 5.0 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm và 65/70/75/80/85/90mm. 	Cái	10

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).		

Ghi chú:

- Các nhãn hiệu, mã hiệu, tên thương mại được nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ nhằm mục đích tham khảo, minh họa cho yêu cầu về tính năng và thông số kỹ thuật của hàng hóa, không được xem là tiêu chí đánh giá bắt buộc. Nhà thầu được phép chào thầu hàng hóa khác, với điều kiện phải chứng minh được hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng tương đương và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại E-HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác: Nhà thầu phải cam kết các nội dung sau:

- + Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.
- + Hạn dùng: Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính đến thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.
- + Thời gian giao hàng: Cung cấp hàng hóa trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng dự trữ của bệnh viện. Đồng thời, nhà thầu cam kết thực hiện việc giao hàng đối với các mặt hàng trúng thầu đáp ứng các yêu cầu về thời gian và địa điểm theo yêu cầu của bác sĩ của Chủ đầu tư, đảm bảo không ảnh hưởng đến lịch mổ dự kiến mà đại diện Chủ đầu tư đã cung cấp.
- + Nhà thầu cam kết sẽ cung cấp các trợ cụ đi kèm và nhân sự có chuyên môn hỗ trợ bác sĩ của chủ đầu tư trong toàn bộ quá trình thực hiện các ca mổ theo lịch giao nhận hàng và lịch mổ do Chủ đầu tư cung cấp sau khi đặt hàng.
- + Việc hấp trợ cụ và vật tư theo các đơn đặt hàng sẽ được hai bên thỏa thuận cụ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- + Cam kết thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của Bệnh viện hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.
- + Sẵn sàng thay thế hàng hóa khi hết hạn sử dụng và thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật.
- + Cam kết đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật mặt hàng trúng thầu theo yêu cầu tại mục 1.2 chương V E-HSMT. Trường hợp hàng hóa cung cấp không đáp ứng tiêu

chuẩn kỹ thuật đã cam kết, Chủ đầu tư có quyền trả và yêu cầu thay thế sản phẩm khác đáp ứng yêu cầu

+ Cung cấp Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu (đối với các hàng hóa nhập khẩu).

+ Cam kết hàng hóa cung cấp có đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.

+ Cam kết thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP.

+ Cam kết Hàng hóa được phân loại và lưu hành tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp hàng hóa bị phân loại sai dẫn đến Bảng phân loại bị thu hồi hoặc Số lưu hành bị thu hồi, nhà thầu có trách nhiệm thu hồi sản phẩm và bồi thường thiệt hại cho Bệnh viện trong suốt thời gian sử dụng của hàng hóa theo quy định tại E-CDNT 15.8.

1.4 Nhà thầu liệt kê danh mục hàng hóa dự thầu

Nhà thầu phải nộp kèm theo E-HSĐT các file excel theo mẫu sau (xem file excel đính kèm)

BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

Stt	Mã phân	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Nhãn hiệu	Mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Số cấp giấy phép nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận lưu hành hoặc phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm	Phân loại		Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Quy cách	
										Loại	Bảng phân loại					

*** Ghi chú:**

- Thông tin về hàng hóa dự thầu, số đăng ký lưu hành và các thông tin khác có liên quan phải được nhà thầu ghi đầy đủ và phù hợp Số lưu hành được công bố trên trang Hệ thống dịch vụ công trực tuyến quản lý thiết bị y tế (địa chỉ: <https://imda.moh.gov.vn/>).

- Nhà thầu tự kê khai và kèm tài liệu chứng minh. Trong tài liệu nhà thầu highlight các sản phẩm dự thầu và ghi số thứ tự hàng hóa trong HSMT.

*** Ghi chú:**

(1), (2), (3) - Nhà thầu tự kê khai

(4) - Nhà thầu liệt kê số trang cụ thể và kèm tài liệu chứng minh.

Mục 2. Bản vẽ: Không

